**PHỤ LỤC IA**

DANH SÁCH CÁC BIỂU, MẪU SỬA ĐỔI - NGƯỜI NỘP THUẾ*(Kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mẫu số** | **Tên hồ sơ, mẫu biểu** | **Tình trạng** |
| **1. Hóa đơn điện tử** | |  |
| 01/ĐKTĐ-HĐĐT | Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử | Sửa đổi, bổ sung |
| 04/SS-HĐĐT | Thông báo hóa đơn điện tử đã lập sai | Sửa đổi, bổ sung |
| 06/ĐN-PSĐT | Đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh | Sửa đổi, bổ sung |
| 01/TH-HĐĐT | Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử | Sửa đổi, bổ sung |
| 01/BK-ĐCTT | Bảng kê hóa đơn điện tử đã lập sai | Bổ sung |
| 01/TH-DT | Bảng tổng hợp doanh thu (đối với hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng) | Bổ sung |
| **2. Chứng từ điện tử** | | |
| 01/ĐKTĐ-CTĐT | Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử | Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 01/ĐKTĐ-BL |
| 04/SS-CTĐT | Thông báo chứng từ điện tử đã lập sai | Bổ sung |
| BC26/BLĐT | Báo cáo tình hình sử dụng biên lai điện tử thu thuế, phí, lệ phí | Sửa đổi, bổ sung |

**Mẫu số: 01/ĐKTĐ-HĐĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**TỜ KHAI**

**Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | □ Đăng ký mới  □ Thay đổi thông tin |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên người nộp thuế: | | | | ……………………………………………………………………………………. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Mã số thuế: | | | | ……………………………………………………………………………………. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cơ quan thuế quản lý: | | | | ……………………………………………………………………………………. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Người liên hệ:  (Đại diện theo pháp luật/ Hộ, cá nhân kinh doanh) | | | | ………………………………… | | | | | | | | Điện thoại liên hệ:………………………….  (Đại diện theo pháp luật/ Hộ, cá nhân kinh doanh) | | | | | | | | | | | |
| Số CC/CCCD/số định danh/Hộ chiếu (\*)... | | | |  | | | | | | | | Ngày tháng năm sinh: | | | | | | | | | | | |
| Giới tính | | | |  | | | | | | | |  | | | | | | | | | | | |
| Địa chỉ liên hệ: của NNT | | | | ……………………………….. | | | | | | | | Thư điện tử:………………………………. của NNT | | | | | | | | | | | |
| Theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn điện tử như sau: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **1. Hình thức hóa đơn:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| □ Có mã của cơ quan thuế  □ Hóa đơn khởi tạo từ Máy tính tiền  □ Không có mã của cơ quan thuế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **2. Hình thức gửi dữ liệu hóa đơn điện tử:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| a. □ Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế ủy thác | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| □ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (điểm a khoản 1 Điều 14 của Nghị định)  □ Doanh nghiệp nhỏ và vừa khác theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi Bộ Tài chính trừ doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao (điểm b khoản 1 Điều 14 của Nghị định)  □ Cơ quan thuế hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức, xử lý tài sản công theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (khoản 1 Điều 15 Nghị định) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| b. □ Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| □ Gửi trực tiếp đến cơ quan thuế (điểm b1, khoản 3, Điều 22 của Nghị định).  □ Gửi đến cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (điểm b2, khoản 3, Điều 22 của Nghị định).  □ Nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số và các dịch vụ khác tại Việt Nam (điểm a.1 khoản 3 Nghị định) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **3. Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| □ Chuyển đầy đủ nội dung từng hóa đơn.  □ Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT(điểm a1, khoản 3 Điều 22 của Nghị định). | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **4. Loại hóa đơn sử dụng:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| □ Hóa đơn GTGT  □ Hóa đơn GTGT tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí  □ Hóa đơn bán hàng  □ Hóa đơn bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí  □ Hóa đơn thương mại  □ Hóa đơn nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam  □ Hóa đơn bán tài sản công  □ Hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia  □ Các loại hóa đơn khác  □ Các chứng từ được in, phát hành, sử dụng và quản lý như hóa đơn. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **5. Danh sách chứng thư số sử dụng:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử** | | | | | **Số sê-ri chứng thư** | | | **Thời hạn sử dụng chứng thư số** | | | | | | | | | | | | | **Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)** | |
| **Từ ngày** | | | | | | **Đến ngày** | | | | | | |
|  |  | | | | |  | | |  | | | | | |  | | | | | | |  | |
| **6. Đăng ký ủy nhiệm lập hóa đơn** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Tên loại hóa đơn ủy nhiệm** | | **Ký hiệu mẫu hóa đơn** | | | **Ký hiệu hóa đơn ủy nhiệm** | | **Tên tổ chức được/nhận ủy nhiệm** | | | **Mục đích ủy nhiệm** | | | | | **Thời hạn ủy nhiệm** | | | | | | **Phương thức thanh toán hóa đơn ủy nhiệm** | |
| (1) | (2) | | (3) | | | (4) | | (5) | | | (6) | | | | | (7) | | | | | | (8) | |
|  |  | |  | | |  | |  | | |  | | | | |  | | | | | |  | |
| **7. Tổ chức cung cấp dịch vụ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Tên tổ chức cung cấp dịch vụ** | | | | | | | **Mã số thuế** | | | | | | **Thời gian** | | | | | | | | **Ghi chú** | |
| **Từ ngày** | | | | | **Đến ngày** | | |  | |
|  |  | | | | | | |  | | | | | |  | | | | |  | | |  | |
| **8. Thông tin đơn vị truyền nhận** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Tên đơn vị truyền nhận** | | | | | | | **Mã số thuế** | | | | | | **Thời gian** | | | | | | | | **Ghi chú** | |
| **Từ ngày** | | | | | **Đến ngày** | | |  | |
|  |  | | | | | | |  | | | | | |  | | | | |  | | |  | |
| **9. Thông tin đơn vị hạch toán phụ thuộc cần cấp quyền tra cứu hóa đơn** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Tên đơn vị** | | | | | | | **Mã số thuế** | | | | | **Thời gian** | | | | | | | | **Ghi chú** | | |
| **Từ ngày** | | | | | **Đến ngày** | | |  | | |
|  |  | | | | | | |  | | | | |  | | | | |  | | |  | | |
| **10. Đề nghị tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử**  Trong quá trình sử dụng hóa đơn điện tử, chúng tôi xin phép tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử cụ thể như sau: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | **Thời gian tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử** | | | | | | | **Tổ chức cung cấp dịch vụ** | | | | | **Số sê-ri chứng thư** | | | | | **Ghi chú** | | | | | |
| **Từ ngày** | | | | **Đến ngày** | | |
|  |  | | | |  | | |  | | | | |  | | | | |  | | | | | |
| **11. Đăng ký tích hợp hóa đơn điện tử với chứng từ điện tử** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **STT** | | **Tên loại hóa đơn tích hợp** | | | **Ký hiệu mẫu hóa đơn tích hợp** | | **Ký hiệu hóa đơn tích hợp** | | | **Tên tổ chức được hoặc nhận tích hợp hóa đơn** | | | | | | | **Mục đích tích hợp** | | | **Thời hạn tích hợp** | | | **Ghi chú** |
| (1) | | (2) | | | (3) | | (4) | | | (5) | | | | | | | (6) | | | (7) | | | (8) |
|  | |  | | |  | |  | | |  | | | | | | |  | | |  | | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…….., ngày……..tháng…….năm……..* **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)* |

***Ghi chú:***

*(\*)* Đối với người đại diện là người Việt Nam điền thông tin số CC/CCCD/số định danh. Việc sử dụng CC/CCCD/số định danh theo quy định pháp luật về căn cước.

**Mẫu số: 04/SS-HĐĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-------------**

**THÔNG BÁO HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ ĐÃ LẬP SAI**

Kính gửi: (Cơ quan thuế)

Tên người nộp thuế: ………………………………………………………………………………

Mã số thuế: ……………………………………………………………………………………………

Người nộp thuế thông báo về việc hóa đơn điện tử đã lập sai như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã CQT cấp** | **Ký hiệu mẫu hóa đơn** | **Ký hiệu hóa đơn** | **Số hóa đơn điện tử** | **Ngày lập hóa đơn** | **Loại hóa đơn điện tử** | **Thông báo/ Giải trình** | **Lý do/Thông báo của CQT** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

(2): Mã CQT cấp đối với hóa đơn có mã của CQT, hóa đơn không có mã của CQT để trống.

(8) Trường hợp HĐĐT đã lập sai và người bán thực hiện Thông báo

Trường hợp CQT thông báo NNT giải trình

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI MUA** *(Chữ ký số của người mua nếu có)* | *…….., ngày……..tháng…….năm……..* **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)* |

**Mẫu số: 06/ĐN-PSĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-------------**

**ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ**

(Theo từng lần phát sinh)

*[01] Cấp mới [ ]          [02] Điều chỉnh [ ]...............Thay thế [ ]*

Kính gửi:…………………………………

**I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN THEO TỪNG LẦN PHÁT SINH**

1. Tên tổ chức, cá nhân: …………………………………………………………………………

2. Địa chỉ liên hệ:

Địa chỉ thư điện tử:………………………………………… Điện thoại liên hệ:……………….

3. Số Quyết định thành lập tổ chức (nếu có):

Cấp ngày:…………………………….Cơ quan cấp:…………………………………………….

4. Mã số thuế/Mã số QHVNS (nếu có):…………………………………………………………

5. Tên người đại diện theo pháp luật hoặc Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:………….

6. Số CC/CCCD/Mã định danh/Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật……………….

Ngày cấp:……………………………………. Nơi cấp:…………………………………………..

7. Mã hồ sơ (nếu có):

**II. DOANH THU PHÁT SINH TỪ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG HÓA, CUNG ỨNG DỊCH VỤ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên người mua** | **Địa chỉ người mua** | **MST/ Mã số QHVNS** | **Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ** | **Tên hàng hóa, dịch vụ** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số** | | |  |  |  |  |  |  |

**III. THÔNG TIN HÓA ĐƠN ĐIỀU CHỈNH/THAY THẾ**

**1. Thông tin hóa đơn bị điều chỉnh/thay thế:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã hồ sơ** | **Ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn** | **Số hóa đơn/Ngày hóa đơn** | **Tên người mua** | **MST/Mã số QHVNS** | **Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Thuế suất thuế GTGT** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Nội dung cần điều chỉnh/thay thế**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu cần điều chỉnh/thay thế** | **Thông tin điều chỉnh/thay thế** |
| Tên hàng hóa, dịch vụ |  |
| Đơn vị tính |  |
| Số lượng |  |
| Đơn giá |  |
| Thuế suất thuế GTGT |  |
| ***Thành tiền chưa có thuế GTGT*** |  |
| Tiền thuế GTGT |  |
| ***Tổng tiền có thuế GTGT*** |  |
| Chỉ tiêu khác |  |
| ….. |  |

**3. Thông tin số thuế:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã hồ sơ** | **Ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn** | **Số hóa đơn/ngày hóa đơn** | **Số thuế đã nộp (\*)** | | | | **Số thuế điều chỉnh** | | | |
| **Thuế GTGT** | **Thuế TNDN** | **Thuế TNCN** | **Thuế khác (nếu có)** | **Thuế GTGT** | **Thuế TNDN** | **Thuế TNCN** | **Thuế khác (nếu có)** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Chúng tôi xin cam kết:**

- Các kê khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu khai sai hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế có quyền từ chối cấp hóa đơn.

- Quản lý hóa đơn đúng quy định của Nhà nước. Nếu vi phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…….., ngày……..tháng…….năm……..* **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)* |

**Mẫu số: 01/TH-HĐĐT**

**BẢNG TỔNG HỢP DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ GỬI CƠ QUAN THUẾ**

*[01] Kỳ dữ liệu: Tháng…….năm……hoặc quý…….năm………..*

*[02]Lần đầu [ ]       [03] Sửa đổi, Bổ sung lần thứ [ ]*

*[04]* Tên người nộp thuế: ………………………………………………………………………………………………………………….

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *[05]* Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Số:……………. Đồng tiền: Loại ngoại tệ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn** | **số hóa đơn** | **Ngày tháng năm lập hóa đơn** | **Tên người mua** | **Mã số thuế người mua/mã khách hàng** | **Mặt hàng** | **Số lượng** | **Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra chưa có thuế GTGT** | **Thuế suất thuế GTGT** | **Tổng tiền phí, lệ phí (nếu có)** | **Tổng tiền giảm trừ (nếu có)** | **Tổng số thuế GTGT** | **Tổng tiền thanh toán** | **Tỷ giá** | **Trạng thái** | **Kỳ điều chỉnh dữ liệu** | **Thông tin hóa đơn liên quan** | **Ghi chú** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) |
|  | X | 1 | 1/1/2020 | Nguyễn A |  |  |  |  |  |  |  |  | 100 |  | Mới |  |  |  |
|  | W | 1 | 1/1/2020 | Nguyễn D |  |  |  |  |  |  |  |  | 10 |  | Mới |  |  |  |
|  | Z | 1 | 1/1/2020 | Nguyễn C |  |  |  |  |  |  |  |  | 30 |  | Sửa thông tin trên bảng kê (do tổng hợp dữ liệu từ hóa đơn lên bảng tổng hợp bị sai) |  | Z1 |  |
|  | A | 1 | 1/1/2020 | Nguyễn B |  |  |  |  |  |  |  |  | 20 |  | Hóa đơn thay thế, điều chỉnh |  | Thông tin ký hiệu, mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn thay thế, điều chỉnh |  |

Tôi cam đoan tài liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tài liệu đã khai.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…….., ngày……..tháng…….năm……..* **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)* |

***Ghi chú:***

- Trường hợp hóa đơn không nhất thiết có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 14 Điều 10 Nghị định thì bỏ trống các chỉ tiêu không có trên hóa đơn.

- [03] Sửa đổi Bổ sung.

- Chỉ tiêu (6): người bán điền mã số thuế, mã số QHVNS đối với người mua là tổ chức kinh doanh, cá nhân kinh doanh có mã số thuế/số định danh, trường hợp là cá nhân tiêu dùng cuối cùng không cung cấp thông tin thì để trống; mã khách hàng đối với trường hợp bán điện, nước cho khách hàng không có mã số thuế.

**Mẫu 01/BK-ĐCTT**

**BẢNG KÊ CÁC HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ ĐÃ LẬP SAI**

*Điều chỉnh □ Thay thế □*

*Ngày……tháng……năm…...*

Chúng tôi gồm:

Công ty: …………………………………………………………………………………………….

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | - |  |  |  |

Địa chỉ: ……………………………………………………………………………………………………....

Và Công ty: …………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | - |  |  |  |

Địa chỉ: ........................................................................................................................................

Hai bên cùng nhau xác nhận điều chỉnh/thay thế các hóa đơn sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thông tin trước điều chỉnh/thay thế** | | | | | | | | | | | |  | **Thông tin sau điều chỉnh/thay thế(\*)** | | | | | | | | | | **Chênh lệch (\*\*)** | | | |
| **Ký hiệu mẫu số hóa đơn** | **Ký hiệu hóa đơn** | **Số hóa đơn** | **Tên hàng hóa dịch vụ** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Thuế suất** | **Thuế GTGT** | **Tổng tiền** | **Khác** | **Ghi chú** | **Ký hiệu mẫu số hóa đơn** | **Ký hiệu hóa đơn** | **Số hóa đơn** | **Tên hàng hóa dịch vụ** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Thuế suất** | **Thuế GTGT** | **Tổng tiền** | **Khác** | **Tổng tiền trước thuế** | **Thuế GTGT** | **Tổng tiền thanh toán** | **Khác** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** | **(8)** | **(9)** | **(10)** | **(11)** | **(12)** | **(13)** | **(14)** | **(13)** | **(16)** | **(17)** | **(18)** | **(19)** | **(20)** | **(21)** | **(22)** | **(23)** | **(24)** | **(25)** | **(26)** | **(27)** | **(28)** |
|  | 1 | C22TA | 1 | A | 2 | 100 |  | 8% |  |  |  | Thay dòng hàng hóa A bằng dòng hàng hóa X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | X |  |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |  |  |  | 500 | 1500 | 8% | 120 | 1620 |  |  |  |  |  |
|  | 1 | C22TA | 1 | B | 1 | 200 |  | 8% |  |  |  | Tăng số lượng hàng hóa từ 1 lên 3 | 3 |  |  |  |  | 200 | 600 | 8% | 48 | 648 |  |  |  |  |  |
|  | 1 | C22TA | 1 | C | 4 | 150 | 600 | 10% | 60 | 660 |  | Tăng số lượng hàng hóa từ 4 -> 5, tăng đơn giá từ 150 lên 250, giảm thuế suất từ 10%->8% | 5 |  |  |  |  | 250 | 1250 | 8% | 100 | 1350 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1 | C22TA | 1 | D | 5 | 450 |  | 5% |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1 | C22TA | 10 | A | 2 | 100 |  | 8% |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1 | C22TA | 10 | B | 1 | 200 |  | 8% |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1 | C22TA | 10 | F | 4 | 150 |  | 10% |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Lý do điều chỉnh/thay thế:

(\*) Đối với hóa đơn thay thế cho nhiều hóa đơn thì thông tin ở mục **“Thông tin sau điều chỉnh/thay thế”**là căn cứ để lập hóa đơn thay thế.

(\*\*) Đối với hóa đơn điều chỉnh cho nhiều hóa đơn thì thông tin ở mục **“Chênh lệch”**là căn cứ để lập hóa đơn điều chỉnh.

Chú ý: Hình thức 01 hóa đơn điều chỉnh/thay thế cho nhiều hóa đơn chỉ áp dụng đối với cùng 01 người mua trong cùng 1 tháng và cùng sai thông tin (VD: cùng sai thông tin về thuế suất hoặc cùng sai thông tin về tiền thuế hoặc sai thông tin về tên hàng hóa).

|  |  |
| --- | --- |
| *…….., ngày……..tháng…….năm……..* **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT BÊN MUA** *(Chữ ký số, chữ ký điện tử)* | *…….., ngày……..tháng…….năm……..* **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT BÊN BÁN** *(Chữ ký số, chữ ký điện tử)* |

**Mẫu số 01/TH-DT**

**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU**

Ngày ... tháng ... năm ...

|  |  |
| --- | --- |
|  | Số: Ký hiệu: |

Tên doanh nghiệp: .......................................................................................

Mã số thuế: .................................................................................................

Điểm kinh doanh casino/trò chơi điện tử có thưởng: ................................

Đơn vị tính: ..................

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Quầy/số bàn/số máy** | **Số tiền thu được** | **Số tiền đã đổi trả cho khách không sử dụng hết** *(nếu có)* | **Số tiền trả thưởng cho khách***(nếu có)* | **Doanh thu** | **Ghi chú** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) = (3)-(4)-(5) | (7) |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| (8) **Tổng doanh thu** | | | |  |  |  |

***Ghi chú:***

(7) Ghi cụ thể vào cột Ghi chú số tiền thu đã bao gồm hoặc chưa bao gồm thuế GTGT.

(8) Tổng doanh thu thu được là căn cứ để doanh nghiệp casino, trò chơi điện tử có thưởng lập hóa đơn.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *........, ngày........tháng........năm......* **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)* |

**Mẫu số: 01/ĐKTĐ-CTĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
--------------**

**TỜ KHAI**

**Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử**

|  |  |
| --- | --- |
|  | □ Đăng ký mới  □ Thay đổi thông tin |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên người nộp thuế: ............................................................................................. | | | | | | | | |
| Mã số thuế: ............................................................................................................ | | | | | | | | |
| Cơ quan thuế quản lý: ............................................................................................ | | | | | | | | |
| Người liên hệ: ………………………...….. Điện thoại liên hệ: ………………………. | | | | | | | | |
| Địa chỉ liên hệ: ……………………………. Thư điện tử: ........................................... | | | | | | | | |
| Theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng chứng từ điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng chứng từ điện tử như sau: | | | | | | | | |
| **1. Đối tượng phát hành** | | | | | | | | |
| Tổ chức, cá nhân phát hành   Cơ quan thuế phát hành | | | | | | | | |
| **2. Loại hình sử dụng** | | | | | | | | |
| □ Chứng từ điện tử khấu trừ thuế thu nhập cá nhân  □ Chứng từ điện tử khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số  □ Biên lai điện tử  o Biên lai thu thuế, phí, lệ phí không in sẵn mệnh giá  o Biên lai thu thuế, phí, lệ phí in sẵn mệnh giá  o Biên lai thu thuế, phí, lệ phí | | | | | | | | |
| **3. Hình thức gửi dữ liệu:** | | | | | | | | |
| a. □ Trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế  b. □ Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử  c. □ Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế ủy thác | | | | | | | | |
| **4. Danh sách chứng thư số sử dụng:** | | | | | | | | |
| **STT** | **Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử** | | **Số sê-ri chứng thư** | **Thời hạn sử dụng chứng thư số** | | | **Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)** | |
| **Từ ngày** | | **Đến ngày** |
|  |  | |  |  | |  |  | |
|  |  | |  |  | |  |  | |
|  |  | |  |  | |  |  | |
| **5. Đăng ký ủy nhiệm lập biên lai** | | | | | | | | |
| **STT** | **Tên loại biên lai ủy nhiệm** | **Ký hiệu mẫu biên** **lai ủy nhiệm** | **Ký hiệu biên lai ủy nhiệm** | **Tên tổ chức được** **ủy nhiệm/tổ chức ủy nhiệm** | **Mục đích ủy nhiệm** | **Thời hạn ủy nhiệm** | | **Phương thức thanh toán biên lai ủy nhiệm** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | | (8) |
|  |  |  |  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *........, ngày........tháng........năm......* **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)* |

**Mẫu số: 04/SS-CTĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**THÔNG BÁO CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ ĐÃ LẬP SAI**Kính gửi: (Cơ quan thuế).

Tên tổ chức, cá nhân lập chứng từ: .................................................

Mã số thuế: ......................................................................................

Tổ chức, cá nhân lập chứng từ thông báo về việc chứng từ điện tử đã lập sai như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ký hiệu mẫu chứng từ** | **Ký hiệu chứng từ** | **Số chứng từ điện tử** | **Ngày lập chứng từ** | **Loại chứng từ điện tử** | **Thông báo/ Giải trình** | **Lý do** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *........, ngày........tháng........năm......* **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LẬP CHỨNG TỪ** *(Chữ ký số tổ chức, cá nhân lập chứng từ)* |

**Mẫu số: BC26/BLĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG BIÊN LAI****THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ**

Kỳ tính thuế: Quý …. năm …..

1. Tên đơn vị: *.........................................................................*

2. Mã số thuế (nếu có): *...........................................................*

3. Địa chỉ: *................................................................................*

Đơn vị tính: ..........

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên loại biên lai** | **Ký hiệu mẫu biên lai** | **Ký hiệu biên lai** | **Số biên lai sử dụng trong kỳ** | **Tổng tiền thuế, phí, lệ phí trong kỳ** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

Cam kết báo cáo tình hình sử dụng biên lai trên đây là đúng sự thật, nếu sai, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày........tháng........năm......* **TỔ CHỨC THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ** *(Chữ ký số của người nộp thuế)* |